TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: **41**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 01/10/2019
Về việc: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, ông Nguyễn Tiến Bảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980; Địa chỉ: thôn ĐH, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Anh Phan Đức L, sinh năm 1979; Địa chỉ: thôn ĐH, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 22/4/2019, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị* Nguyễn Thị L *trình bày:* Vào ngày 27 tháng 11 năm 1998 chị L, anh L đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm, cách sống, hay cãi nhau vì những việc nhỏ nhặt trong gia đình, anh L có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên không quan tâm đến gia đình vợ con. Do đó, anh, chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 5/2018 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Đức L.

Về con chung: anh, chị có 03 con chung là cháu Phan Trung T, sinh năm 1999; cháu Phan Nguyễn Trà M, sinh ngày 24/4/2004, cháu Phan Trung H, sinh ngày 05/5/2007. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng Phan Nguyễn Trà M, sinh ngày 24/4/2004, cháu Phan Trung H, sinh ngày 05/5/2007 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung không có.

- *Đối với bị đơn anh Phan Đức L:* trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải đối với anh Phan Đức L nhưng anh L vẫn không tham gia các buổi làm việc tại Tòa án. Hiện tại anh Phan Đức L có mặt tại địa phương nhưng anh L cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng trong tất cả các lần triệu tập của Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn đối với anh Phan Đức L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chị Nguyễn Thị L đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phan Đức L; về con chung: Giao cháu Phan Nguyễn Trà M, sinh ngày 24/4/2004, cháu Phan Trung H, sinh ngày 05/5/2007 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành; Về cấp dưỡng các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị L yêu cầu xin ly hôn với anh Phan Đức L, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình (ly hôn) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Phan Đức L có đăng ký hộ khẩu tại thôn ĐH, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Phan Đức L hai lần được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh L cố tình vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hay do trở ngại khách quan (Vắng mặt không có lý do chính đáng) gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Điều đó thể hiện ý thức không tôn trọng pháp luật, không tôn trọng Hội đồng xét xử. Mặt khác sự cố tình vắng mặt của anh L đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh L phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Phan Đức L là phù hợp.

Ngày 15/8/2019 chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị L là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

2.1 Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phan Đức L là hợp pháp. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ. Giữa chị L và anh L không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L cũng thừa nhận, cả hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2018 cho đến nay, chị thực sự không còn tình cảm với anh L, không muốn tiếp tục chung sống với anh L và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống, hôn nhân vợ chồng không đạt được mục đích. HĐXX xét thấy**,** mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục. Anh, chị đã không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, hôn nhân của anh, chị thật sự không đạt được mục đích. Do vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L và giải quyết chị L được ly hôn với anh L.

2.2 Về con chung: Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì thì Tòa án quyết định giao con cho một bên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"***.**

"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con"

Hiện nay các cháu Phan Nguyễn Trà M, sinh ngày 24/4/2004, cháu Phan Trung H, sinh ngày 05/5/2007 đang ở với mẹ, trong quá trình giải quyết vụ án các cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, chị L mặc dù làm nông nghiệp nhưng có thu nhập ổn định nên đủ chi phí để chăm sóc con chung. Từ những nhận định trên, HĐXX nghĩ, cần giao cháu Phan Nguyễn Trà M, sinh ngày 24/4/2004, cháu Phan Trung H, sinh ngày 05/5/2007 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

2.4 Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 58; của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phan Đức L.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Phan Nguyễn Trà M, sinh ngày 24/4/2004, cháu Phan Trung H, sinh ngày 05/5/2007 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Phan Đức L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn, chị L không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Phan Đức L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Nguyễn Thị L đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0003520 ngày 14/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh ĐắkNông;
-VKS ND huyện ĐắkMil;
-Chi cục THA DS huyện M;
-UBND xã M, huyện M;
-Các đương sự;
-Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh